

Bài 1: Dịch các câu sau sang TIẾNG NHẬT:

1. Hàng ngày bạn thức dậy lúc mấy giờ?
2. Tôi ngủ lúc 12h đêm
3. Chủ nhật tôi đi Nara
4. Ngân hàng mở cửa từ 8h sáng đến 5h chiều
5. Thứ 7 và chủ nhật, tôi học tiếng Anh.
6. Bây giờ là mấy giờ?

Bài 2: Sắp xếp các câu sau đây và dịch sang TIẾNG VIỆT:

1. に まいにち は わたし 時 六 おきます。

→Dịch:

2. は ニューヨーク なん ですか 時 いま ?

→

3. 二十 十二 分 時 です。

→

4. 十一 このう ねました に 時 。

→

Bài 3: Chọn đáp án đúng điền vào dấu

1. デパートは _____  です。

A まで B から C 7時 D 17時

2. _____ 10 _____  _____ します。

A まいにち B 時 C べんきょう D まで

3. わたし _____  _____ _____ _____ です。

A 452980 B の C は D ばんごう

4. ゆうびんきょくのやすみ _____ _____  _____ です。

A と B 日曜日 C 月曜日 D は

Bài 4: Hoàn thành bảng sau:

	Hiện tại/ Tương lai	_____
Khẳng định (+)	(おき) _____	(おき) ました
Phụ định (-)	(おき) _____	(おき) _____